# PHẦN VĂN BẢN KHÁC

## THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ** **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1874/QĐ-TTg *Hà Nội, ngày 13 tháng 10 năm 2014*

### QUYẾT ĐỊNH
### Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Kinh tế trọng điểm Miền Trung đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

### THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Kinh tế trọng điểm Miền Trung đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 với những nội dung chủ yếu sau:

**I. VỊ TRÍ, VAI TRÒ**

Vùng Kinh tế trọng điểm Miền Trung (gồm 5 tỉnh, thành phố: Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định) có vị trí đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh đối với cả khu vực Duyên hải Miền Trung và Tây Nguyên.

Xây dựng vùng Kinh tế trọng điểm Miền Trung thành trung tâm kinh tế biển mạnh, tạo thế tiến ra biển nhằm bảo vệ vững chắc chủ quyền biển đảo của Tổ quốc. Tập trung phát triển đa dạng các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao như dịch vụ xuất, nhập khẩu, du lịch, nghề cá, dầu khí, vận tải...; phát triển cảng biển, dịch vụ cảng và vận tải biển, sông - biển; phát triển các đội tầu, công nghiệp đóng

mới và sửa chữa tầu biển... Phát triển kinh tế đảo phù hợp với vị trí, tiềm năng và lợi thế của từng đảo.

Vùng Kinh tế trọng điểm Miền Trung còn là cầu nối quan trọng trong giao lưu kinh tế, văn hóa với quốc tế, đồng thời là điểm trung chuyển hàng hóa với các tỉnh Tây Nguyên, và là cửa ngõ ra biển thuận tiện nhất đối với các địa phương thuộc vùng Nam Lào, Đông Bắc Thái Lan và Đông Bắc Campuchia thông qua hành lang kinh tế Đông - Tây.

## II. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Phát triển kinh tế - xã hội vùng Kinh tế trọng điểm Miền Trung phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, Chiến lược biển Việt Nam, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Miền Trung đến năm 2020; đảm bảo thống nhất với quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực.

2. Phát huy cao nhất tiềm năng, lợi thế so sánh của vùng về vị trí địa kinh tế - chính trị, tài nguyên thiên nhiên, nhất là tài nguyên biển và giá trị văn hóa của các địa phương trong vùng để đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng bền vững. Tập trung phát triển mạnh công nghiệp có lợi thế và dịch vụ, du lịch chất lượng cao tầm cỡ khu vực và quốc tế gắn với phát triển hệ thống đô thị nhằm thu hẹp khoảng cách với các vùng Kinh tế trọng điểm khác trên cả nước.

3. Phát huy nhân tố con người, coi đó là nguồn lực phát triển quan trọng của vùng. Tập trung đào tạo phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực có chất lượng cao có cơ cấu hợp lý, đáp ứng nhu cầu thị trường, gắn phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến.

4. Phát triển kinh tế đi đôi với bảo đảm công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân; từng bước thu hẹp khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa các khu vực và giữa các đồng bào dân tộc trong Vùng.

5. Phát triển bền vững, hài hòa giữa các mục tiêu về phát triển kinh tế, phát triển xã hội và cải thiện môi trường sinh thái với việc bảo vệ tài nguyên nước, rừng, môi trường biển và ven biển, hướng tới biển xanh. Gắn chặt phát triển kinh tế với xây dựng tiềm lực quốc phòng - an ninh, giữ vững chủ quyền và bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ, độc lập của quốc gia. Tăng cường khả năng phòng chống thiên tai bão lụt và thích ứng với biến đổi khí hậu.

## III. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu đến năm 2020:

a) Mục tiêu tổng quát:

Xây dựng vùng Kinh tế trọng điểm Miền Trung trở thành khu vực phát triển năng động với tốc độ nhanh và bền vững, là vùng động lực phát triển cho toàn vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, là cửa ngõ ra biển quan trọng của các tỉnh vùng Tây Nguyên, khu vực Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam và tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây. Là vùng công nghiệp gắn với biển và các trung tâm

dịch vụ hiện đại; đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân, tình trạng sức khỏe được cải thiện căn bản; chủ quyền biển, đảo của đất nước được bảo vệ vững chắc; quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội được giữ vững; môi trường sinh thái, môi trường sống được đảm bảo không bị ô nhiễm; giảm thiểu đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, nước biển dâng;

b) Mục tiêu cụ thể:

- Về kinh tế

+ Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt khoảng 8%/năm giai đoạn đến năm 2015 và khoảng 9%/năm giai đoạn 2016 - 2020. GDP bình quân đầu người đến năm 2020 đạt khoảng 80 triệu đồng, tương đương 3.600 USD bằng khoảng 1,1 - 1,2 lần mức bình quân đầu người của cả nước. Quy mô GDP của vùng năm 2020 gấp khoảng 2,3 lần năm 2010 (tính theo giá so sánh).

+ Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng trong cơ cấu GDP tăng lên 44,5% năm 2015 và 45% năm 2020; tỷ trọng khu vực dịch vụ tăng lên 40,5% năm 2015 và 43% năm 2020; tỷ trọng nông nghiệp trong cơ cấu GDP giảm xuống 15% vào năm 2015 và 12% năm 2020. Phấn đấu tăng mức đóng góp của vùng trong thu ngân sách của cả nước lên 6,5% vào năm 2015 và 7,5% năm 2020; giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội đến năm 2020 còn khoảng 31,4%.

+ Tốc độ tăng giá trị xuất khẩu đạt bình quân khoảng 18%/năm đến năm 2015 và giai đoạn 2016 - 2020 giữ nhịp tăng trưởng của xuất khẩu trên mức 20%/năm; tốc độ đổi mới công nghệ đạt bình quân 20 - 25%/năm.

- Về văn hóa - xã hội.

+ Tốc độ tăng dân số của Vùng giai đoạn đến năm 2020 duy trì bình quân khoảng 1,1%/năm. Đến năm 2015 dân số của Vùng khoảng 6,5 triệu người và khoảng 6,9 triệu người vào năm 2020.

+ Đến năm 2015, đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đến trường đạt 95% đối với bậc tiểu học, trên 50% số trường tiểu học đạt tiêu chuẩn quốc gia, 100% giáo viên tiểu học đạt chuẩn và không còn trường lớp tạm; phấn đấu đến năm 2020, có 100% số trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia, ngành giáo dục, đào tạo và dạy nghề của Vùng đạt các chỉ số phát triển của các ngành học, bậc học bằng mức bình quân chung của cả nước.

+ Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi thể nhẹ cân suy dinh dưỡng giảm dưới 10% vào năm 2020; tỷ lệ trẻ em tử vong dưới 1 tuổi giảm còn 14,0‰ vào năm 2015 và dưới 11,0‰ vào năm 2020. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 75% vào năm 2015 và trên 80% vào năm 2020.

+ Đến năm 2020, giải quyết việc làm cho khoảng 150 nghìn lao động , tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4%; tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở khu vực nông thôn lên 85%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 45% vào năm 2015 và đạt trên 65 % vào năm 2020.

+ Tỷ lệ đô thị hóa đạt 42% vào năm 2015 và 49,5% vào năm 2020; quy mô dân số đô thị của Vùng sẽ đạt khoảng 2,7 triệu người vào năm 2015 và 3,4 triệu người vào năm 2020.

- Về bảo vệ môi trường.

+ Đến năm 2020 có trên 95% dân số nông thôn và 100% dân số thành thị được sử dụng nước hợp vệ sinh; tất cả các cơ sở sản xuất, kinh doanh mới áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm, xử lý chất thải; trên 80% các cơ sở sản xuất, kinh doanh hiện có đạt tiêu chuẩn về môi trường; các đô thị loại 4 trở lên và tất cả các khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung; 95% chất thải rắn thông thường, 85% chất thải nguy hại và 100% chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường.

+ Nâng độ che phủ rừng lên 47% vào năm 2020. Ngăn ngừa, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường do hoạt động của con người và tác động của tự nhiên gây ra; bảo vệ hệ sinh thái biển, ven biển và đa dạng sinh học, hệ thống các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên; chủ động phòng, tránh nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của bão, lũ, thiên tai, biến đổi khí hậu.

- Về an ninh, quốc phòng.

+ Đầu tư hoàn chỉnh hệ thống giao thông ra biên giới, đường vành đai biên giới, hệ thống đồn trạm biên phòng và các khu vực phòng thủ, các khu dân cư vùng biên giới và cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

+ Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội để phát triển kinh tế - xã hội. Gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội, nhất là kinh tế biển, đảo với bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền biển, hải đảo của Tổ quốc.

+ Tăng cường vai trò của Mặt trận tổ quốc, của các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể trong công tác phòng chống tệ nạn xã hội; đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục và vận động quần chúng chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp của nhà nước nhằm hạn chế, đẩy lùi tai nạn giao thông.

2. Định hướng đến năm 2030:

- Đến năm 2030 vùng Kinh tế trọng điểm Miền Trung tiếp tục là khu vực phát triển năng động với tốc độ nhanh và bền vững, chất lượng tăng trưởng ngày càng cao; là vùng có cảnh quan môi trường tốt và là trung tâm dịch vụ, du lịch nghỉ dưỡng chất lượng cao của cả nước và khu vực Đông Nam Á. Có cơ cấu kinh tế hiện đại, không gian phát triển đô thị và công nghiệp gắn với biển. Các khu kinh tế Chu Lai, Dung Quất, Chân Mây - Lăng Cô và Nhơn Hội là những hạt nhân, trung tâm phát triển lớn của vùng. Thành phố Đà Nẵng, Huế, Quy Nhơn trở thành các trung tâm du lịch, thương mại và giao dịch quốc tế lớn của Vùng và cả nước, đảm nhận chức năng dịch vụ thương mại và trung tâm du lịch của cả khu vực Miền Trung và Tây Nguyên.

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2021 - 2030 đạt bình quân khoảng 9%. GDP bình quân đầu người vượt qua 10.000 USD/năm, gấp khoảng 2,5 lần so với năm 2020; tỷ trọng khu vực dịch vụ chiếm trên 50% trong cơ cấu GDP.

- Tiếp tục nâng cao đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân trong vùng; giữ gìn và phát huy văn hóa truyền thống, di sản văn hóa vật thể và phi vật thể. Phát triển mạng lưới y tế đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cơ bản của nhân dân; chú trọng chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. Phát triển Đà Nẵng, Huế thành hạt nhân của Trung tâm y tế chuyên sâu miền Trung.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế như cơ sở hạ tầng cảng biển, các khu, điểm du lịch, các khu kinh tế, khu công nghiệp và khu kinh tế cửa khẩu được đầu tư đồng bộ và hiện đại đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch, thương mại và giao dịch quốc tế lớn của vùng và cả nước, hoàn thiện kết cấu hạ tầng của các đô thị lớn gắn với phát triển các khu kinh tế và các vùng lân cận, thúc đẩy giao lưu kinh tế trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây của Tiểu vùng sông MêKông mở rộng và khu vực Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam.

## IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Phát triển công nghiệp:

- Phấn đấu tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp đạt khoảng 8,5% giai đoạn đến năm 2015 và 9,5% giai đoạn 2016 - 2020; tỷ trọng công nghiệp và xây dựng chiếm khoảng 45% trong cơ cấu GDP vào năm 2020.

- Tập trung nguồn lực phát triển các ngành công nghiệp có tiềm năng, lợi thế gắn với biển như cơ khí, đóng mới và sửa chữa tàu thuyền. Phát triển công nghiệp hóa dầu trở thành một trong các trụ cột công nghiệp của Vùng và là một trong các trung tâm hóa dầu lớn của cả nước, góp phần đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu công nghiệp trong nội bộ Vùng. Từng bước phát triển ngành điện tử và công nghệ thông tin hiện đại để hỗ trợ cho các ngành công nghiệp khác phát triển; đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến; ngành dệt may, giầy da.

- Hình thành các trung tâm công nghiệp lớn ở các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định. Phát triển các cụm công nghiệp dọc các tuyến đường ngang nối liền các tỉnh trong Vùng với các tỉnh trong vùng Tây Nguyên nhằm cung ứng các sản phẩm tiêu dùng cho vùng Tây Nguyên và tiếp nhận nguyên liệu từ nông, lâm nghiệp, phục vụ cho công nghiệp chế biến; gắn phát triển công nghiệp với hình thành các điểm đô thị ở khu vực nông thôn.

- Chú trọng phát triển công nghiệp quy mô vừa và nhỏ, áp dụng công nghệ tiên tiến phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương. Phát triển tiểu thủ công nghiệp theo hướng khuyến khích các ngành nghề truyền thống như sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, sản xuất vật liệu xây dựng, đồ mộc dân dụng, chế biến lương thực, thực phẩm.

2. Phát triển dịch vụ, du lịch:

- Phát huy tối đa các lợi thế, tiềm năng sẵn có của các địa phương trong Vùng để phát triển các lĩnh vực có nhiều lợi thế như: du lịch, dịch vụ cảng biển, vận tải

biển, hàng hải quốc tế... Phấn đấu tốc độ tăng trưởng giai đoạn đến năm 2015 đạt khoảng 9,1% và giai đoạn 2016 - 2020 đạt khoảng 10,2%; tỷ trọng khu vực dịch vụ chiếm khoảng 40,5% trong cơ cấu GDP vào năm 2015 và trên 43% vào năm 2020.

a) Dịch vụ: Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ xã hội tăng bình quân hàng năm thời kỳ đến năm 2015 đạt khoảng 13%/năm; thời kỳ 2016 - 2020 là 16%/ năm. Nâng cấp các trung tâm thương mại hiện có và hình thành các trung tâm thương mại, các siêu thị ở các tỉnh, thành phố trong Vùng như: thành phố Huế (Thừa Thiên - Huế), thành phố Đà Nẵng, thành phố Quy Nhơn (Bình Định); hoàn chỉnh mạng lưới thương mại nội địa từ thành thị đến nông thôn, từ dải ven biển đến miền núi.

- Phát triển dịch vụ hàng không, viễn thông quốc tế, tài chính, ngân hàng, các dịch vụ ứng dụng công nghệ thông tin. Chú trọng tới dịch vụ tài chính, dịch vụ ngân hàng ở các khu kinh tế, khu kinh tế cửa khẩu, cảng biển và dịch vụ logistic phục vụ hoạt động cảng biển, sân bay và các thành phố trong Vùng.

- Tập trung phát triển các dịch vụ chuyển giao khoa học kỹ thuật, dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư tới các hộ sản xuất công nghiệp, nông lâm, ngư nghiệp.

b) Du lịch: Phấn đấu đến năm 2020 trở thành Vùng có nhiều điểm du lịch hấp dẫn, kết nối được với hệ thống điểm du lịch trong nước và của các nước trong khu vực như: Thái Lan, Singapore, Malaixia, Inđônexia... và là điểm đến thường xuyên của các tour du lịch quốc tế.

- Tập trung khai thác các di sản văn hóa, địa danh lịch sử, du lịch sinh thái biển, đặc biệt là những cảnh quan thiên nhiên ở dải ven biển gắn với các di sản thế giới như các di sản văn hóa kiến trúc cố đô Huế, đô thị cổ Hội An, khu di tích Mỹ Sơn và văn hóa Chàm (Đà Nẵng, Quảng Nam) cùng các di sản thiên nhiên trên trục đường Huế - Lăng Cô - Bạch Mã - Hải Vân - Sơn Trà - Bà Nà - Đà Nẵng, dải ven biển từ vịnh Nam Ô đến đô thị cổ Hội An.

3. Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản:

Đổi mới mô hình và phương thức sản xuất nông nghiệp gắn với chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế trong nội bộ ngành; giảm tỷ trọng trồng trọt, tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi và thuỷ, hải sản, tạo điều kiện thuận lợi cả về cơ chế và nguồn vốn để phát triển kinh tế biển.

a) Về phát triển nông nghiệp:

- Cơ cấu lại cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện tự nhiên của từng tiểu Vùng theo hướng bảo đảm độ an toàn của sản xuất, phòng tránh lũ lụt, nâng cao hiệu quả trên mỗi ha đất canh tác; duy trì và ổn định diện tích đất lúa theo quy định. Ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến vào sản xuất và chế biến, gắn sản xuất với thị trường tiêu thụ sản phẩm tạo thành sự liên kết nông nghiệp - chế biến - dịch vụ thị trường trên địa bàn vùng, đạt hiệu quả kinh tế cao;

- Xây dựng vùng chuyên canh cây ăn quả, cây công nghiệp, cây rau màu có lợi thế theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí

hậu từng địa phương trong Vùng; phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm với quy mô trang trại phù hợp với điều kiện của từng địa phương. Tập trung xây dựng mới và mở rộng một số đồng muối ở Bình Nam, Thăng Bình (Quảng Nam), cung cấp muối phục vụ nhu cầu tiêu dùng.

b) Về phát triển thủy sản:

- Phát triển nuôi trồng thủy sản công nghiệp và bán công nghiệp với quy mô tập trung tại các địa phương gắn với bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn sinh thái vùng ven biển, bảo tồn đa dạng sinh học tại các vùng nước nội địa. Tập trung phát triển nuôi trồng các loại thủy sản là đặc sản có giá trị cao (tôm hùm, cá ngựa, các loại nhuyễn thể...) phù hợp với lợi thế của Vùng, đồng thời quản lý tốt chất lượng giống và thức ăn trong nuôi trồng thủy sản. Hình thành trung tâm nghề cá tại Đà Nẵng, gắn với ngư trường Biển Đông và Hoàng Sa. Thúc đẩy phát triển nuôi trồng thủy sản khu vực bãi ngang, đầm phá ven biển vùng đầm phá Tam Giang (Thừa Thiên - Huế) và các vùng cửa sông từ Quảng Nam đến Bình Định;

- Xây dựng âu thuyền, cầu tàu và điểm neo đậu tránh bão trong các vùng vịnh nhỏ, ở các vùng cửa sông và đảo nhỏ ven bờ. Lựa chọn công nghệ tiên tiến của nước ngoài đối với chế biến các sản phẩm thủy sản có giá trị thương mại cao. Từng bước nâng cấp đội tàu đánh bắt thủy sản công suất lớn có trang thiết bị hệ thống thông tin, đưa dẫn, ngư cụ và bảo quản đông lạnh hiện đại để nâng cao năng lực đánh bắt xa bờ; đồng thời tổ chức tốt các dịch vụ hậu cần (cung cấp nước, đá, dầu, thu mua, bảo quản sản phẩm thủy sản, bảo dưỡng, sửa chữa...) phục vụ ngư dân đánh bắt trên biển dài ngày.

c) Về phát triển lâm nghiệp:

Thiết lập lâm phận ổn định, bảo vệ nghiêm ngặt vốn rừng tự nhiên hiện có, đồng thời đẩy mạnh trồng mới và chăm sóc phục hồi rừng, khoanh nuôi tái sinh, trồng mới rừng phòng hộ ở các khu vực đầu nguồn xung yếu của các sông lớn để ngăn giảm lũ và chống sa lắng lòng hồ ở các vùng có hồ chứa, hồ thủy điện và trồng rừng ven biển đảm bảo cân bằng môi trường sinh thái. Tăng cường công tác bảo vệ và phát triển các vườn quốc gia, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ nguồn gen động, thực vật quý hiếm.

d) Xây dựng nông thôn mới:

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển vùng sản xuất hàng hóa nhằm nâng cao thu nhập và ổn định đời sống nhân dân. Coi kinh tế nông nghiệp, nông thôn là vệ tinh phát triển của các khu kinh tế và các đô thị trong Vùng.

4. Phát triển các lĩnh vực văn hóa - xã hội:

a) Giáo dục - đào tạo:

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, dạy nghề nhất là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng cho nhu cầu phát triển của Vùng, đặc biệt chú trọng đào tạo nguồn nhân lực về ngành kinh tế biển. Khai thác tối đa các cơ sở đào tạo đại học,

cao đẳng hiện có; xây dựng các trung tâm đào tạo nghề chất lượng cao cho cả Vùng tại thành phố Đà Nẵng, Quy Nhơn, Huế; xây dựng một số Trung tâm dạy nghề kỹ thuật cao nhằm đào tạo công nhân kỹ thuật cho các khu công nghiệp (tại các khu vực Huế, Đà Nẵng, Dung Quất và Quy Nhơn). Ưu tiên đầu tư phát triển nguồn nhân lực thuộc lĩnh vực dịch vụ, du lịch chất lượng cao và các ngành công nghiệp điện tử, sản xuất phần mềm, tin học và tự động hóa...

- Phát triển, nâng cao năng lực đào tạo của các trường đại học Y, Dược và Viện nghiên cứu trong Vùng. Xây dựng đại học Y Dược Huế trở thành Đại học trọng điểm của vùng; mở thêm khoa Y tại trường đại học Quy Nhơn.

b) Chăm sóc sức khỏe nhân dân:

- Củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả chăm sóc sức khỏe nhân dân, tiến tới đưa các dịch vụ chăm sóc sức khỏe đến từng hộ gia đình; nâng cao khả năng tiếp cận của người dân đối với các dịch vụ y tế có chất lượng, chú trọng dịch vụ y tế cho người cao tuổi. Củng cố và phát triển mạng lưới y tế dự phòng có đủ khả năng dự báo, giám sát, phát hiện, khống chế và dập tắt các dịch bệnh, kể cả các dịch bệnh nguy hiểm mới phát sinh. Chủ động phòng chống dịch, tiến tới giải quyết căn bản các bệnh nhiễm khuẩn; thanh toán bệnh phong, loại trừ bệnh uốn ván ở trẻ sơ sinh; chủ động phòng chống các bệnh tim mạch, huyết áp, tiểu đường, tâm thần, HIV/AIDS...; đảm bảo vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm;

- Tăng cường trang thiết bị kỹ thuật cho hệ thống phòng bệnh, khám chữa bệnh từ cấp xã, phường đến tuyến tỉnh theo hướng chăm sóc y tế phổ cập ở cấp xã, huyện và từng bước chuyên sâu y tế cấp tỉnh. Xây dựng trung tâm y tế chuyên sâu trong Vùng tại thành phố Huế và thành phố Đà Nẵng để cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất lượng cao cho nhân dân. Mở rộng, nâng cấp các bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh, từng bước nghiên cứu xây dựng các bệnh viện chuyên khoa để phát hiện và điều trị có hiệu quả các bệnh không lây nhiễm;

- Xã hội hóa công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân; đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư cho sự nghiệp phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe. Lồng ghép các chương trình mục tiêu trong lĩnh vực dân số, kế hoạch hóa gia đình và y tế để nâng cao hiệu quả đầu tư.

c) Văn hóa và thể dục thể thao: Bảo tồn, tôn tạo và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống làm nền tảng cho sự giao lưu văn hóa giữa các cộng đồng dân tộc trong vùng; xây dựng và phát triển những giá trị mới về văn hóa, hình thành nếp sống văn minh, gia đình văn hóa mới trong cộng đồng dân cư. Đẩy mạnh việc xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa; nâng cấp, mở rộng các cơ sở luyện tập thể dục, thể thao trên địa bàn các địa phương trong Vùng;

d) Giảm nghèo, giải quyết việc làm và bảo đảm an sinh xã hội: Thực hiện đồng bộ, toàn diện và hiệu quả các Chương trình, dự án giảm nghèo, tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận các chính sách trợ giúp về đất đai, tín dụng, dạy nghề, tạo

việc làm, khuyến công, khuyến nông - lâm - ngư nghiệp và tiêu thụ sản phẩm; tập trung hỗ trợ tạo điều kiện cho các hộ nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập và ổn định đời sống.

5. Phát triển kết cấu hạ tầng:

Phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế và hạ tầng xã hội làm động lực để phát triển kinh tế - xã hội cho cả Vùng và vùng Tây Nguyên. Kết hợp chặt chẽ đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông với thủy lợi và đê biển; phát triển đồng bộ hạ tầng đô thị và điểm dân cư nông thôn.

a) Về phát triển giao thông:

- Đường bộ: Nâng cấp và mở rộng quốc lộ 1A, quy mô 4 làn xe cơ giới, 2 làn xe hỗn hợp; nâng cấp các tuyến giao thông trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây;

- Đường bộ cao tốc: Từng bước xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Huế - Đà Nẵng - Quảng Ngãi trong hệ thống đường cao tốc Bắc - Nam quy mô 4 - 6 làn xe;

- Đường sắt: Nâng cấp, hiện đại hóa tuyến đường sắt Bắc - Nam; tiếp tục nghiên cứu các phương án khả thi để có kế hoạch đầu tư xây dựng đường sắt mới khổ 1435 mm; nghiên cứu các phương án khả thi xây dựng tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam; nghiên cứu xây dựng hầm đường sắt qua đèo Hải Vân và tuyến đường sắt nối với Tây Nguyên;

- Cảng biển: Tiếp tục đầu tư phát triển đồng bộ bến cảng, luồng vào cảng, hệ thống dịch vụ hỗ trợ cảng, giao thông liên kết cảng với hệ thống giao thông quốc gia đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương trong Vùng. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, vận hành hệ thống cảng và các hoạt động dịch vụ cảng;

- Hàng không: tiếp tục đầu tư nâng cấp, mở rộng các cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng, Phú Bài và Chu Lai; nâng cấp, mở rộng cảng hàng không Phù Cát.

b) Phát triển thủy lợi, hệ thống cấp, thoát nước, hạ tầng thủy sản:

- Nâng cao năng lực trong nghiên cứu đánh giá nguồn nước, quy hoạch, thiết kế, xây dựng thủy lợi và quản lý tài nguyên nước ở các lưu vực sông, đảm bảo khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên nước gắn với phát triển bền vững;

- Củng cố, nâng cấp các tuyến đê sông, đê biển; trồng và giữ rừng chắn sóng ven đê phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương ven biển. Nâng cấp, hoàn thiện và quản lý khai thác có hiệu quả các hệ thống thủy lợi hiện có. Tiếp tục xây dựng và nâng cấp các hồ chứa trên địa bàn các lưu vực sông thực hiện nhiệm vụ cắt lũ, cung cấp nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt;

- Tiếp tục xây dựng hoàn thiện hệ thống cấp nước, đáp ứng đủ nhu cầu sinh hoạt tại các đô thị, khu dân cư và khu công nghiệp. Nghiên cứu xây dựng các dự án cấp nước phù hợp đối với các khu vực nông thôn, ven biển và hải đảo. Tiếp tục triển khai các dự án thoát nước thải và nước mưa tại các đô thị, khu công nghiệp đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường;

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản, giống thủy sản, cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho thuyền cá và các công trình kết cấu hạ tầng nông thôn.

c) Về cấp điện và hệ thống cấp điện:

Rà soát lại quy hoạch, quy trình xả lũ ở các nhà máy thủy điện tại Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam và Quảng Ngãi... nhằm tránh gây thiệt hại, ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của nhân dân; đầu tư xây dựng hệ thống truyền tải điện (110KV, 220KV, 500KV) và hệ thống phân phối điện đáp ứng nhu cầu sử dụng điện ngày càng cao của các khu công nghiệp, đô thị và nhu cầu sinh hoạt của nhân dân. Khảo sát và nghiên cứu ứng dụng việc triển khai xây dựng các nhà máy phong điện, sử dụng năng lượng mặt trời, nước biển;

d) Công nghệ thông tin và truyền thông:

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong phát triển kinh tế và các hoạt động xã hội. Xây dựng cơ sở hạ tầng mạng viễn thông hiện đại, băng thông rộng, dung lượng và tốc độ lớn đáp ứng yêu cầu phát triển. Phát triển công nghệ thông tin và viễn thông phục vụ tốt cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội; phục vụ hiệu quả cho công tác tìm kiếm, cứu nạn trên biển và các vùng thường xuyên xảy ra thiên tai, bão lũ. Phát triển các dịch vụ viễn thông phục vụ phát triển kinh tế biển, đánh bắt hải sản xa bờ, an toàn cứu nạn trên biển và đảm bảo an ninh quốc gia.

6. Phát triển khoa học công nghệ:

- Nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ nhằm phát huy hơn nữa vai trò đầu tàu dẫn dắt phát triển khoa học công nghệ của Vùng. Tăng cường đổi mới công nghệ theo hướng ứng dụng công nghệ cao, hiện đại. Ưu tiên công nghệ sạch, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ tự động hóa và công nghệ vật liệu mới, đẩy nhanh đầu tư phát triển khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế biển.

- Đổi mới cơ chế, chính sách quản lý và phát triển khoa học - công nghệ. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ. Khuyến khích và hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp khoa học - công nghệ; phát triển các Viện nghiên cứu có vốn đầu tư nước ngoài, chi nhánh của các Viện nghiên cứu nước ngoài tại Việt Nam.

- Hỗ trợ đầu tư cho việc nghiên cứu khoa học phục vụ sản xuất nông nghiệp, thuỷ sản, lâm nghiệp. Khuyến khích nhập thiết bị, công nghệ hiện đại cho những ngành, sản phẩm công nghiệp mũi nhọn có quy mô lớn, các ngành sản xuất mới và những khâu quyết định chất lượng sản phẩm, sản xuất hàng xuất khẩu.

7. Quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường:

- Quản lý, khai thác có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo đảm môi trường và cân bằng sinh thái. Chú trọng phát triển kinh tế xanh, thân thiện với môi trường. Thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững; từng bước phát triển "năng lượng sạch", "sản xuất sạch", "tiêu dùng sạch".

- Sử dụng tiết kiệm, hợp lý và có hiệu quả quỹ đất nông nghiệp, nâng cao hiệu quả sử dụng diện tích đất hiện có. Khai thác tối đa quỹ đất chưa sử dụng để đưa vào trồng cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả; tận dụng các vùng đất hoang hóa, đất cát ven biển ít có khả năng sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp đưa vào sử dụng cho mục đích phát triển các khu, cụm công nghiệp, điểm du lịch, hình thành các đô thị mới. Sử dụng hợp lý tài nguyên nước; bảo vệ hệ sinh thái rừng đầu nguồn, thảm thực vật rừng phòng hộ. Ngăn chặn có hiệu quả nạn phá rừng, cháy rừng, phủ xanh đất trống đồi trọc, phát triển diện tích rừng phòng hộ và rừng kinh tế. Khai thác bền vững, có hiệu quả nguồn lợi hải sản, gắn với bảo vệ môi trường biển...

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, dự báo, đánh giá tác động và triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp phòng, chống thiên tai về ứng phó với biến đổi khí hậu, nhất là nước biển dâng. Xây dựng hệ thống mạng lưới quan trắc chất lượng nước mặt, nước ngầm trong toàn Vùng để kiểm tra, giám sát độ ô nhiễm của nguồn nước.

- Đầu tư nâng cấp, xây mới đồng bộ hệ thống thoát nước thải, nước mưa tại các đô thị; đảm bảo nước thải sinh hoạt, sản xuất tại các khu công nghiệp, bệnh viện, làng nghề được xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định trước khi xả ra hệ thống tập trung. Thu gom và xử lý rác thải tập trung nhằm hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường; ở mỗi tỉnh trong Vùng xây dựng ít nhất một khu xử lý chất thải rắn theo công nghệ tiên tiến, giá thành phù hợp với điều kiện ngân sách địa phương để thay thế biện pháp chôn lấp nhằm tiết kiệm đất và đảm bảo vệ sinh môi trường.

8. Phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh:

- Kết hợp chặt chẽ giữa hai nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, sẵn sàng đập tan âm mưu và thủ đoạn của các thế lực thù địch.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng một số ngành, lĩnh vực có tính lưỡng dụng để phục vụ nhu cầu quốc phòng - an ninh và phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là trên các huyện đảo, xã đảo và một số đảo gần bờ trong thế trận phòng thủ bảo vệ biển, đảo và phát triển kinh tế biển. Xây dựng các công trình bến cảng cá, đường cơ động ven biển, nhằm tạo ra hệ thống cơ sở hạ tầng, dịch vụ từ ven bờ đến các đảo tiền tiêu để phục vụ cho khai thác xa bờ, phòng chống bão, bảo vệ an ninh, quốc phòng và chủ quyền biển đảo.

- Đẩy nhanh tiến độ nâng cấp, mở rộng các tuyến đường biên giới; đầu tư xây dựng các đường tuần tra biên giới để kết hợp phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng an ninh.

## V. PHƯƠNG HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN

1. Phát triển đô thị và các điểm dân cư nông thôn

a) Phát triển không gian đô thị: Phát triển mạng lưới đô thị gắn với phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, khu thương mại, khu du lịch theo hướng đa trung tâm; tạo mạng lưới liên kết chặt chẽ giữa các địa phương trong Vùng với các vùng lân cận.

- Hệ thống đô thị động lực: Chuỗi đô thị động lực chính Huế - Đà Nẵng - Chu Lai Kỳ Hà - Dung Quất (Vạn Tường) - Quy Nhơn, trong đó thành phố Đà Nẵng là đô thị hạt nhân. Đây sẽ là chuỗi đô thị động lực cho vùng Kinh tế trọng điểm Miền Trung và cho toàn vùng Duyên hải Miền Trung.

+ Cụm đô thị động lực số 1: Huế - Tứ Hạ - Phú Bài - Thuận An - Bình Điền, thành phố Huế là đô thị trung tâm, tiến tới trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Cụm đô thị động lực số 2: Chân Mây - Đà Nẵng - Điện Nam - Điện Ngọc - Hội An, thành phố Đà Nẵng là đô thị trung tâm vùng Kinh tế trọng điểm Miền Trung - vùng Trung Trung Bộ.

+ Cụm đô thị động lực số 3: Núi Thành - Dốc Sỏi - Châu Ô - Vạn Tường, đô thị Núi Thành phát triển gắn với sự phát triển khu kinh tế mở Chu Lai và đô thị Vạn Tường Dốc Sỏi - Châu Ô gắn với sự phát triển Khu kinh tế Dung Quất.

+ Cụm đô thị động lực số 4: Thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận, trong đó thành phố Quy Nhơn là đô thị trung tâm phía Nam vùng Kinh tế trọng điểm Miền Trung gắn kết với khu kinh tế Nhơn Hội về phía Đông và các đô thị ở phía Bắc, phía Tây của tỉnh Bình Định.

- Các đô thị gắn với các khu kinh tế tổng hợp: Thành phố Vạn Tường phục vụ khu công nghiệp lọc hóa dầu Dung Quất; đô thị mới Chân Mây gắn với khu khuyến khích thương mại Chân Mây; đô thị mới Điện Nam - Điện Ngọc là đô thị công nghiệp, giáo dục đào tạo phía Bắc tỉnh Quảng Nam và có mối quan hệ chặt chẽ với thành phố Đà Nẵng và cảng nước sâu Tiên Sa; khu đô thị mới Núi Thành phát triển cùng với khu kinh tế mở Chu Lai.

- Các đô thị gắn với các chức năng chuyên ngành: Xây dựng các đô thị du lịch (đô thị cổ Hội An, thị trấn Thuận An, Lăng Cô... ); đô thị công nghiệp (Tứ Hạ, Phú Bài, Điện Nam - Điện Ngọc, Tịnh Phong...); đô thị dịch vụ cho các vùng sản xuất nông nghiệp và lâm nghiệp và một số cụm đô thị ở vùng miền núi gắn với tuyến hành lang kinh tế Đông Tây.

b) Phát triển điểm dân cư nông thôn

- Tổ chức lại các điểm dân cư nông thôn bảo đảm mỹ quan, môi trường trong sạch và an toàn giao thông. Quy hoạch, cải tạo và xây dựng các làng nghề theo hướng phát triển bền vững.

- Thực hiện hiệu quả chương trình xây dựng nông thôn mới gắn kết chặt chẽ với các chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Huy động tổng hợp các nguồn lực, nhất là sự tham gia của nhân dân vào xây dựng nông thôn mới; xây dựng các cụm dân cư nông thôn có cơ sở hạ tầng đồng bộ; củng cố và xây dựng hạ tầng nuôi trồng thủy sản, cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tầu cá và công trình kết cấu hạ tầng nông thôn.

2. Định hướng phát triển các Khu kinh tế

- Các Khu kinh tế Chu Lai, Dung Quất, Nhơn Hội, Chân Mây - Lăng Cô sẽ tiếp tục đầu tư phát triển theo quy hoạch, kế hoạch phát triển đã được điều chỉnh,

bổ sung. Phát triển các Khu kinh tế gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế của từng địa phương, gắn hiệu quả phát triển kinh tế với đảm bảo an sinh xã hội và bảo vệ môi trường. Hình thành chức năng nòng cốt của từng khu kinh tế trên cơ sở phát huy lợi thế của từng địa phương, đồng thời sử dụng có hiệu quả tài nguyên và đảm bảo gắn kết với định hướng phát triển của Vùng trong từng giai đoạn.

- Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô (Thừa Thiên - Huế): định hướng phát triển du lịch, dịch vụ và các ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp sạch và công nghiệp kỹ thuật cao; phát triển thành trung tâm giao thương quốc tế lớn và hiện đại của vùng kinh tế trọng điểm Miền Trung, trung tâm du lịch, nghỉ dưỡng mang tầm cỡ khu vực, quốc tế;

- Khu kinh tế Nhơn Hội (Bình Định): từng bước xây dựng để trở thành hạt nhân tăng trưởng, trung tâm đô thị công nghiệp - dịch vụ - du lịch của vùng kinh tế trọng điểm Miền Trung; là đầu mối giao lưu quốc tế quan trọng, góp phần mở rộng thị trường khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và là cầu nối với thị trường Campuchia, Lào và Thái Lan; là khu du lịch quốc gia với vai trò là một trong những trung tâm du lịch của vùng Duyên hải miền Trung.

3. Phát triển các tiểu vùng

a) Tiểu vùng ven biển (tiểu vùng động lực chính): Thiết lập tuyến hành lang kinh tế thương mại tự do quốc tế dọc theo vùng Duyên hải, trên trục quốc lộ 1A, tuyến đường sắt quốc gia và hệ thống cảng biển. Phát triển hệ thống cảng trung chuyển quốc tế, hệ thống các khu công nghiệp, khu chế xuất, khai thác lợi thế gần cảng, chọn lọc các loại hình công nghiệp ưu tiên gắn với cảng biển và khu kinh tế thương mại. Thiết lập hệ thống kho bãi quốc gia và quốc tế gắn với hệ thống cảng tổng hợp quốc tế và các đầu mối giao thông liên vùng, xuyên quốc gia. Thiết lập và phát huy tuyến du lịch dọc hành lang ven biển, kết nối thuận lợi với các khu du lịch núi, du lịch di sản văn hóa và khám phá đại dương. Đầu tư phát triển hệ thống tàu khai thác hải sản xa bờ và nuôi trồng thủy sản có giá trị kinh tế cao;

b) Tiểu vùng Trung du: Phát triển hành lang hạ tầng kỹ thuật gắn với bảo vệ an ninh quốc phòng. Tập trung phát triển công nghiệp - kho tàng gắn với các hành lang giao thông giao lưu quốc gia và quốc tế. Phát triển kinh tế trang trại kết hợp phát triển nông, lâm nghiệp, thay đổi cơ cấu cây trồng tăng nhanh giá trị sản xuất nông nghiệp;

c) Tiểu vùng miền núi phía Tây: Đẩy mạnh tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhằm cải thiện cơ bản đời sống nhân dân; gắn phát triển kinh tế vùng miền núi phía Tây với ổn định về xã hội và đảm bảo về quốc phòng an ninh biên giới. Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trước hết là hệ thống giao thông, hình thành các đô thị vùng cao dọc theo đường Hồ Chí Minh, đường Trường Sơn Đông; phát triển các cụm kinh tế công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội khu vực biên giới.

**VI. CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ:** (Có phụ lục chi tiết kèm theo)

## VII. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Các lĩnh vực ưu tiên phát triển

- Tập trung xây dựng hoàn chỉnh hệ thống kết cấu hạ tầng trên địa bàn vùng, đặc biệt hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kết nối giữa Vùng với các tỉnh Tây Nguyên, với Lào, Campuchia, Đông Bắc Thái Lan; hoàn chỉnh hệ thống đường ven biển, đường cao tốc, cảng hàng không; cải tạo nâng cấp các tuyến đường sắt hiện có đảm bảo giao thông an toàn trong mùa mưa lũ.

- Hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị, hạ tầng du lịch; xây dựng, cải tạo các công trình thủy lợi, thủy sản quan trọng phục vụ sản xuất, chủ động phòng chống và thích ứng với biến đổi khí hậu; đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ.

- Phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp và các đô thị làm hạt nhân tăng trưởng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội các địa phương trong Vùng, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển bền vững.

- Nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, dạy nghề, phát triển nguồn nhân lực trình độ cao đáp ứng nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn Vùng theo hướng đẩy mạnh phát triển các ngành kinh tế biển. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là hải sản nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm và giá trị sản xuất.

2. Giải pháp về cải thiện môi trường sản xuất, kinh doanh và huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển

- Đẩy mạnh cải cách hành chính ở từng địa phương trong vùng, tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, môi trường kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia phát triển kinh tế - xã hội. Làm tốt công tác thu hút, kêu gọi và định hướng đầu tư. Ban hành chính sách ưu đãi theo các nhóm ngành ưu tiên phát triển trên mỗi địa bàn dựa vào lợi thế, tiềm năng của từng địa phương. Đổi mới cơ chế, chính sách nhằm thu hút tối đa các nguồn lực tài chính từ các thành phần kinh tế, đặc biệt là huy động nguồn vốn nhàn rỗi trong dân cư để phát triển sản xuất, kinh doanh.

- Nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính theo hướng công khai, minh bạch đồng thời nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức nhằm tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư và giải quyết tốt các thủ tục hành chính. Nâng cao hiệu quả trong quản lý điều hành của chính quyền các cấp; phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm giữa các cơ quan nhằm khắc phục sự chồng chéo trong thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao, đồng thời tăng cường công tác phòng chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong thực thi nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước.

- Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn vốn Nhà nước để phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển nguồn nhân lực, khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường và thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Đầu tư từ ngân sách cho

các công trình, dự án phát triển cơ sở hạ tầng quan trọng nhưng khó thu hút nhà đầu tư bên ngoài. Đa dạng hóa các loại hình đầu tư, đẩy mạnh đầu tư theo hình thức hợp tác công tư (PPP) để tập trung phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, Tranh thủ tối đa nguồn vốn ODA để đầu tư phát triển các công trình trọng điểm về hạ tầng kỹ thuật quy mô lớn.

- Tiếp tục đẩy mạnh thu hút FDI phù hợp với quá trình hội nhập. Đổi mới hoạt động xúc tiến đầu tư nước ngoài theo hướng tập trung thu hút vào các ngành, lĩnh vực mà vùng có lợi thế; hướng vào các đối tác giàu tiềm năng, nhất là các nước phát triển có công nghệ hiện đại, đồng thời tiếp tục mở rộng đối với các đối tác đã đầu tư nhiều vào vùng.

- Phát triển thị trường tài chính minh bạch; đẩy mạnh công tác xã hội hóa đầu tư vào các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa - thể thao nhằm huy động tối đa nguồn lực để phát triển. Tiếp tục triển khai chính sách hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, tạo bước đột phá cho phát triển vùng và cho các địa phương. Xây dựng và ban hành chính sách phát triển các công trình phòng chống giảm nhẹ thiên tai, phát triển và bảo vệ rừng, phát triển các công trình thủy lợi nhằm ngăn chặn hậu quả các trận lũ lụt, hạn hán, cung cấp nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt.

3. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Xây dựng kế hoạch đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản trị doanh nghiệp đủ sức tiếp cận những tiến bộ mới về khoa học quản lý, về công nghệ mới, biết dự báo và tiếp cận với thị trường để chủ động hội nhập vào tiến trình toàn cầu hóa và thúc đẩy phát triển các ngành kinh tế biển. Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa để nâng cao trình độ nhận thức và chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân.

- Xây dựng và ban hành các chính sách nhằm phát huy và thu hút nhân tài, lao động kỹ thuật trình độ cao đến làm việc lâu dài ở các địa phương trong Vùng. Tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ phù hợp với tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội của Vùng; xây dựng chính sách đào tạo nghề cho người lao động làm việc tại các khu công nghiệp, khu kinh tế, người lao động chuyển đổi sang các ngành nghề phi nông nghiệp.

4. Giải pháp về khoa học và công nghệ

- Ưu tiên cho các dự án khoa học công nghệ phục vụ trực tiếp cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng, theo hướng đẩy mạnh phát triển các ngành kinh tế biển. Kết hợp việc đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật tiên tiến về giống cây trồng và vật nuôi, kỹ thuật bảo quản và chế biến sản phẩm với việc hình thành trung tâm công nghệ trong các ngành then chốt, đặc biệt là các ngành kinh tế biển và các sản phẩm mũi nhọn của Vùng.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật cao có đủ năng lực tham gia vào các dự án hợp tác chuyển giao công nghệ tiến tới làm chủ công nghệ trong các lĩnh vực công nghệ sinh học, điện tử, công nghệ thông tin…để từng bước nâng dần tính cạnh tranh của nền kinh tế phù hợp với yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư công nghệ mới thân thiện môi trường và mở rộng hình thức liên kết hợp tác giữa các cơ sở sản xuất với cơ quan nghiên cứu ứng dụng khoa học và các trường đại học nhằm đưa khoa học vào thực tế cuộc sống.

5. Giải pháp về tăng cường hợp tác phát triển

- Đẩy mạnh sự phối hợp gắn kết giữa các địa phương trong và ngoài vùng trong quá trình xúc tiến đầu tư, huy động và phân bổ nguồn lực, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, thúc đẩy phát triển các ngành kinh tế biển; đào tạo, thu hút và tạo việc làm; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; xây dựng các chương trình, tuyến du lịch liên tỉnh, liên vùng; cung cấp thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu kinh tế - xã hội cho vùng phục vụ cho công tác dự báo và phối hợp phát triển bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tăng cường hợp tác phát triển thương mại qua biên giới với Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, phát triển các khu kinh tế cửa khẩu, xây dựng mạng lưới giao thông, cấp điện giữa các địa phương Việt Nam với các địa phương thuộc Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

**Điều 2.** Tổ chức, giám sát thực hiện Quy hoạch

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm Miền Trung đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 sau khi được phê duyệt là cơ sở cho việc điều chỉnh, trình duyệt và triển khai thực hiện quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương trong Vùng.

2. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương trong Vùng có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố, công khai Quy hoạch; triển khai các hoạt động xúc tiến đầu tư, tuyên truyền, quảng bá nhằm thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước, các thành phần kinh tế tham gia thực hiện Quy hoạch;

- Theo dõi, đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Quy hoạch Vùng, giám sát thực hiện các chương trình, dự án đầu tư trọng điểm trên địa bàn Vùng.

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế phối hợp, chính sách liên kết, điều phối giữa các địa phương trong Vùng và với các Vùng khác; kêu gọi đầu tư đối với các dự án trọng điểm của Vùng.

3. Các Bộ, ngành liên quan có trách nhiệm:

- Điều chỉnh quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu trên địa bàn Vùng phù hợp với những mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

- Nghiên cứu, xây dựng và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm thực hiện thắng lợi những mục tiêu và nhiệm vụ đã đề ra trong Quy hoạch.

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc triển khai và giám sát thực hiện quy hoạch; giám sát thực hiện các chương trình, dự án đầu tư trọng điểm có quy mô, tính chất vùng theo thứ tự ưu tiên thuộc lĩnh vực quản lý nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội Vùng.

Các nhiệm vụ cụ thể đối với các Bộ, ngành như sau:

a) Bộ Giao thông vận tải: Chỉ đạo xây dựng, hoàn thành đúng tiến độ các công trình giao thông quan trọng trên địa bàn Vùng; đề xuất cơ chế huy động vốn cho các dự án phát triển giao thông vận tải trên địa bàn Vùng; giám sát thực hiện các dự án giao thông phù hợp quy hoạch được phê duyệt;

b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Xây dựng và trình phê duyệt quy hoạch phát triển nông nghiệp Vùng; đầu tư và thu hút đầu tư các dự án khai thác tiềm năng, lợi thế của vùng để phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản;

- Hoàn thành xây dựng và củng cố hệ thống thủy lợi, đê điều; chỉ đạo tổ chức sản xuất các sản phẩm nông nghiệp, thủy sản chủ yếu trên địa bàn Vùng; đề xuất cơ chế, chính sách và hỗ trợ các địa phương trong Vùng xây dựng các khu nông nghiệp công nghệ cao.

c) Bộ Giáo dục và Đào tạo:

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách thúc đẩy liên kết giữa các cơ sở đào tạo và các doanh nghiệp sử dụng nhân lực; tạo điều kiện để một số trường đại học hiện đại hóa cơ sở vật chất, phát triển đội ngũ giảng viên và chương trình đào tạo ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực;

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan trong việc xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho cả Vùng.

d) Bộ Công Thương:

- Chỉ đạo xây dựng đúng tiến độ và quy hoạch các trung tâm điện lực và mạng lưới cấp điện trên địa bàn Vùng;

- Phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu sản phẩm hàng hóa Việt Nam phục vụ cho phát triển kinh tế; chủ trì và phối hợp với

các địa phương trong việc xây dựng mạng lưới chợ đầu mối, các trung tâm thương mại quy mô Vùng.

đ) Bộ Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì và phối hợp với các địa phương liên quan trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; bảo vệ và khai thác nguồn tài nguyên, bảo tồn đa dạng sinh học; hướng dẫn, chỉ đạo các địa phương trong vùng lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội;

e) Bộ Xây dựng: Kiểm tra, giám sát xây dựng các khu xử lý chất thải nguy hại, nghĩa trang, hệ thống cấp nước quy mô vùng; phối hợp với các địa phương trong việc xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải tại các đô thị;

g) Bộ Khoa học và Công nghệ: Chỉ đạo triển khai phát triển ứng dụng khoa học - công nghệ trên địa bàn Vùng; xây dựng, nâng cao tiềm lực khoa học - công nghệ tại các cơ sở nghiên cứu khoa học, cơ sở đào tạo trên địa bàn Vùng;

h) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: Chỉ đạo, phối hợp với các địa phương liên quan trong việc xây dựng hệ thống trung tâm đào tạo nghề, đặc biệt là các trung tâm đào tạo trình độ cao quy mô vùng tại thành phố Đà Nẵng;

i) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Chủ trì và phối hợp với các bộ, ngành và địa phương liên quan hoàn thiện Quy hoạch tổng thể phát triển khu và điểm du lịch quốc gia trên địa bàn Vùng.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong Vùng:

- Chủ động rà soát các chương trình, dự án đầu tư; xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ được phê duyệt tại Quyết định này.

- Phối hợp với các Bộ, ngành tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, tuyên truyền, quảng bá, thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước và các thành phần kinh tế tham gia thực hiện quy hoạch.

- Tổ chức giám sát, kiểm tra việc thực hiện các dự án đầu tư phát triển trên địa bàn theo chức năng được phân công, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong Vùng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Tấn Dũng**

**Phụ lục**

**DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM MIỀN TRUNG ĐẾN NĂM 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1874/QĐ-TTg ngày 13 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ)*

| TT | TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN |
|---|---|
| **I** | **Hạ tầng giao thông** |
| 1 | Đường bộ:<br>- Nâng cấp và mở rộng quốc lộ 1A: đoạn La Sơn - Lăng Cô và xây dựng hầm Phú Gia, Phước Tượng; đoạn Hòa Phước - Vĩnh Điện; đoạn Kỳ Lý - Bắc Tam Kỳ, đoạn Tam Kỳ - Núi Thành,...<br>- Nâng cấp quốc lộ 49A (Cảng Thuận An - Đường Hồ Chí Minh; nâng cấp quốc lộ 49B (Cầu Mỹ Chánh - Lộc Bình);<br>- Xây dựng tuyến đường cao tốc: La Sơn - Đà Nẵng; Đà Nẵng - Quảng Ngãi; Quảng Ngãi - Quy Nhơn;<br>- Hệ thống đường bộ ven biển từ Thừa Thiên Huế đến Bình Định;<br>- Xây dựng đường Nam Quảng Nam giai đoạn II, 90km (Tam Thanh - Tam Kỳ - Trà My - Tắc Pỏ - Đắc Tô);<br>- Nâng cấp toàn tuyến quốc lộ 24 - Hệ thống đường tuần tra biên giới giáp nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào |
| 2 | Hàng không: Nâng cấp các cảng Đà Nẵng, Phú Bài, Chu Lai |
| 3 | Cảng biển: Nâng cấp hoàn thiện các cảng: Đà Nẵng, Chân Mây, Nhơn Hội, Kỳ Hà |
| 4 | Đường sắt:<br>- Nâng cấp tuyến đường sắt Bắc - Nam;<br>- Nghiên cứu xây dựng đường sắt nối với Tây Nguyên |
| **II** | **Hạ tầng cung cấp điện** |
| | - Hình thành mạch 2 đường đây 220kV Di Linh - Bảo Lộc - Song Mây;<br>- Xây dựng đường dây 220kV mạch kép dọc bờ biển từ Quảng Ngãi - Quy Nhơn - Tuy Hòa - Nha Trang;<br>- Xây dựng các trạm 500KV Dung Quất, 220KV tại Đà Nẵng, Tam Kỳ |
| **III** | **Hạ tầng thủy lợi** |
| | - Đầu tư củng cố, bảo vệ và nâng cấp đê biển, đê sông hiện có tại các tỉnh từ Thừa Thiên Huế đến Bình Định;<br>- Tiếp tục đầu tư hoàn thành hồ Tả Trạch (Thừa Thiên Huế), hồ Định Bình (Bình Định), hồ Phú Ninh (Quảng Nam), hồ Thạch Nham và hệ thống hồ bổ trợ cho hồ Thạch Nham (Quảng Ngãi) |

| TT | TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN |
|---|---|
| **IV** | **Công trình cảnh báo, phòng tránh thiên tai, cứu hộ cứu nạn:** |
| | - Đầu tư phát triển mạng lưới quan trắc;<br>- Đầu tư đồng bộ hệ thống thông tin chuyên ngành thủy sản, trọng tâm là quản lý tàu thuyền nghề cá; Trung tâm quan trắc cảnh báo môi trường biển;<br>- Đầu tư phát triển hỗ trợ nghề cá xa bờ, các khu neo đậu tránh trú bão kết hợp với bảo vệ an ninh trên biển |
| **V** | **Giáo dục và đào tạo, dạy nghề:**<br>- Xây dựng trường Cao đẳng Y Dược kỹ thuật Đà Nẵng;<br>- Xây dựng trường Đại học Y - Dược Huế thành trường đại học trọng điểm của vùng;<br>- Xây dựng Trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao tại thành phố Đà Nẵng;<br>- Trường cao đẳng nghề Cơ điện, Xây dựng và Nông Lâm Trung Bộ;<br>- Trường Cao đẳng nghề du Lịch Huế;<br>- Trường cao đẳng nghề số 4 - Bộ Quốc phòng;<br>- Trung tâm nghề cá Đà Nẵng gắn với ngư trường biển Đông và Hoàng Sa |
| **VI** | **Y tế:**<br>- Xây dựng Trung tâm y tế chuyên sâu tại thành phố Huế (Thừa Thiên - Huế) và thành phố Đà Nẵng;<br>- Mở rộng, nâng cấp các bệnh viện đa khoa cấp tỉnh |

***Ghi chú:*** Về vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng và tổng mức đầu tư của các công trình, dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư cho từng thời kỳ./.

**VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN**

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng